BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số: 206/QĐ-ĐHSPHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
Hình thức đào tạo chính quy
Ngành: Xã hội học, mã số 7310301
Chương trình đào tạo: Cử nhân Xã hội học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ, ngày 11 tháng 10 năm 1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BDGĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BDGĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDGĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP Hà Nội;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Xã hội học ngày 29 tháng 12 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, ngành Xã hội học, mã số 7310301, chương trình đào tạo Cử nhân Xã hội học *(nội dung chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khoá tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, ban chức năng, Trưởng khoa Công tác xã hội; các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- HĐT (để b/c);
- BGH (để chỉ đạo t/h);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử Trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành Xã hội học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **206**/QĐ-ĐHSPHN ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Xã hội học (Sociology)
2. Trình độ đào tạo: Đại học
3. Ngành đào tạo (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Xã hội học (Sociology)
4. Mã ngành đào tạo: 7310301
5. Hình thức đào tạo: Chính quy
6. Thời gian đào tạo chính khóa: 4 năm
7. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
8. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
9. Khoa quản lí/đào tạo: Công tác xã hội
10. Thông tin về tuyển sinh:

10.1. Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.

10.2. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.

10.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo chỉ tiêu được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo của nhân Xã hội học đáp ứng các chuẩn đầu ra sau:

PLO1. Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.

PLO2: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.

PLO3. Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành.

PLO4: Sử dụng các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành Xã hội học để thiết kế nghiên cứu, tư vấn, thuyết minh cho các dự án, việc làm có liên quan.

PLO5: Thực hiện nghiên cứu và phân tích các vấn đề nảy sinh trong xã hội để dự báo, giải quyết, quản lý các vấn đề xã hội.

PLO6: Vận dụng các kiến thức về con người, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, tôn giáo.. có liên quan đến xã hội học để phát triển chuyên môn của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp.

PLO7: Vận dụng được các tri thức xã hội học về nông thôn, đô thị vào nghiên cứu, dự báo, quản lý các vấn đề xã hội.

PLO8: Vận dụng được các tri thức xã hội học về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, tôn giáo vào nghiên cứu, dự báo, quản lý các vấn đề xã hội.

PLO9: Sử dụng các kiến thức xã hội học về giới, sức khỏe, gia đình vào nghiên cứu, đánh giá các chính sách, chương trình, hoạt động xã hội.

PLO10: Phát triển năng lực xã hội học về truyền thông, dư luận xã hội để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi xã hội tích cực.

PLO11: Phát triển năng lực xây dựng dự án và khởi nghiệp để tổ chức hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng.

PLO12: Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để phục vụ cho các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, thực hiện dự án và phát triển bản thân.

Ma trận kết nối mục tiêu với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các chỉ báo

Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
PO1. Hình thành, phát triển được ở người học các quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp, hành động theo lẽ phải và sự trung thực; trách nhiệm và tận tâm với nghề.	**PLO1.** Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.	**PI1.1.** Nhận biết được tri thức lý luận chính trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. **PI1.2.** Thể hiện được tình yêu đất nước, lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, ý thức trách nhiệm với cộng đồng. **PI1.3.** Vận dụng được tri thức của khoa học lý luận chính trị vào giải quyết một số vấn đề đặt ra của khoa học chuyên ngành, cuộc sống và thực tiễn đất nước trong kỉ nguyên mới.
PO2. Phát triển được ở người học năng lực tự chủ, thiết lập, duy trì sự hợp tác, lãnh đạo trong	**PLO2**: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với	**PI2.1**. Vận dụng được tri thức về Tâm lý học giáo dục, Thống kê xã hội học để nhận diện và thích ứng được với sự phát

Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
các mối quan hệ và thích ứng với những thay đổi của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.	sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.	triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội. **PI2.2**. Vận dụng được tri thức về Tin học đại cương/Tiếng Việt thực hành/Nghệ thuật đại cương để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội. **PI2.3**. Xây dựng và thực hiện kế hoạch bản thân đáp ứng được sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.
	PLO3. Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành.	**PI3.1**. Trình bày tri thức và phương pháp nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn. **PI3.2.** Vận dụng kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vào lĩnh vực khoa học của chuyên ngành.
PO3. Hình thành và phát triển được ở người học năng lực thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phân tích xã hội học và dự báo, giải quyết, quản lý các vấn đề xã hội	**PLO4:** Sử dụng các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành Xã hội học để thiết kế nghiên cứu, tư vấn, thuyết minh cho các dự án, việc làm có liên quan.	**PI4.1.** Vận dụng thức cơ sở ngành vào thiết kế nghiên cứu xã hội học. **PI4.2**. Vận dụng kiến thức xã hội học chuyên ngành vào thiết kế nghiên cứu xã hội học. **PI4.3.** Đề xuất được đề tài, dự án nghiên cứu xã hội học.
	PLO5: Thực hiện nghiên cứu và phân tích các vấn đề nảy sinh trong xã hội để dự báo, giải quyết, quản lý các vấn đề xã hội.	**PI5.1**. Xây dựng đề tài nghiên cứu xã hội học. **PI5.2**. Triển khai thu thập và xử lý thông tin nghiên cứu xã hội học. **PI5.3.** Phân tích dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu xã hội học.

Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
	PLO6: Vận dụng các kiến thức về con người, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, tôn giáo.. có liên quan đến xã hội học để phát triển chuyên môn của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp.	**PI6.1.** Thiết kế các hoạt động xã hội phù hợp với nhu cầu của cộng đồng. **PI6.2.** Tạo dựng được đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh phù hợp với chuẩn mực xã hội. **PI6.3.** Xây dựng môi trường tích cực, phát triển mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.
PO4. Hình thành và phát triển được cho người học năng lực xã hội học chuyên ngành.	**PLO7:** Vận dụng được các tri thức xã hội học về nông thôn, đô thị vào nghiên cứu, dự báo, quản lý các vấn đề xã hội.	**PI7.1.** Vận dụng kiến thức xã hội học nông thôn, đô thị vào nghiên cứu các vấn đề xã hội theo vùng miền, khu vực. **PI7.2**. Nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân của vấn đề xã hội theo vùng miền, khu vực. **PI7.3**. Đề xuất các giải pháp để giải quyết, quản lý các vấn đề xã hội theo vùng miền, khu vực.
	PLO8: Vận dụng được các tri thức xã hội học về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, tôn giáo vào nghiên cứu, dự báo, quản lý các vấn đề xã hội.	**PI8.1.** Xây dựng các kịch bản dự báo xu hướng phát triển xã hội. **PI8.2.** Nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân của vấn đề xã hội cụ thể. **PI8.3.** Đề xuất các giải pháp để giải quyết, quản lý các vấn đề xã hội.
	PLO9: Sử dụng các kiến thức xã hội học về giới, sức khỏe, gia đình vào nghiên cứu, đánh giá các chính sách, chương trình, hoạt động xã hội.	**PI9.1.** Vận dụng kiến thức xã hội học giới vào nghiên cứu, đánh giá các chính sách, chương trình, hoạt động xã hội. **PI9.2**. Vận dụng kiến thức xã hội học gia đình vào nghiên cứu, đánh

Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
		giá các chính sách, chương trình, hoạt động xã hội. **PI9.3**. Vận dụng kiến thức xã hội học sức khoẻ vào nghiên cứu, đánh giá các chính sách, chương trình, hoạt động xã hội.
	PLO10: Phát triển năng lực xã hội học về truyền thông, dư luận xã hội để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi xã hội tích cực.	**PI10.1.** Trình bày ý kiến một cách rõ ràng, mạch lạc trong các hoạt động học tập và nghiên cứu. **PI10.2.** Thiết kế, sử dụng được các công cụ truyền thông xã hội để lan tỏa các thông điệp xã hội học. **PI10.3.** Tổ chức được cuộc điều tra dư luận xã hội.
	PLO11: Phát triển năng lực xây dựng dự án và khởi nghiệp để tổ chức hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng.	**PI11.1**. Hiểu biết kiến thức cơ bản về quản lí, điều hành các hoạt động nghề nghiệp. **PI11.2.** Xây dựng được kế hoạch phát triển nghề nghiệp, ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo của bản thân. **PI11.3**. Đánh giá quá trình phát triển nghề nghiệp, ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo của bản thân.
PO5. Trang bị được cho người học kiến thức, kĩ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học vào việc hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.	**PLO12**: Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để phục vụ cho các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, thực hiện dự án và phát triển bản thân.	**PI12.1.** Đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ thông tin theo quy định của nhà trường. **PI12.2.** Khai thác, sử dụng hiệu quả các tài liệu ngoại ngữ nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu.

Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
		PI12.3. Sử dụng công nghệ thông tin để thu thập và phân tích dữ liệu chuyên môn ngành xã hội học, thiết kế các sản phẩm truyền thông xã hội học.

III. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc của chương trình đào tạo: Khối lượng kiến thức toàn khóa: **127** tín chỉ (chưa bao gồm kiến thức Giáo dục Quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất), phân bổ thành 8 học kỳ trong 4 năm.

STT		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng		
2	Khối học vấn chung toàn trường	25	19.7
3	Khối học vấn nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn	12	9.4
4	Khối học vấn ngành xã hội học	81	63.9
5	Thực tập nghề nghiệp	3	2.3
6	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	6	4.7
	Tổng cộng:	**127**	**100**

2. Khung chương trình đào tạo

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ				Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
					LT	BT	TH, TL		
I	**Khối học vấn chung**			**25**					
1	Tâm lí học giáo dục	PSYC 101	1	4	45	0	15	140	
2	Thống kê xã hội học	MATH 137	2	2	20	0	10	70	
3	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	1	3	36	0	9	105	
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI 104	2	2	20	0	10	70	

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ				Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
					LT	BT	TH, TL		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	2	20	0	10	70	PHIS 105, POLI 104
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	3	2	20	0	10	70	PHIS 105, POLI 106
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	3	2	20	0	10	70	
8	**Tự chọn**			**2/6**					
8.1	Tiếng Việt thực hành	COMM106	1	2	10	0	20	70	
8.2	Tin học đại cương	COMP103	1	2	9.5	0	19.5	71	
8.3	Nghệ thuật đại cương	COMM107	1	2	15	0	15	70	
9	**Ngoại ngữ 1**								
9.1	Tiếng Anh 1	ENGL104	1	3	30	15	0	105	
9.2	Tiếng Trung 1	CHIN 105	1	3	30	15	0	105	
9.3	Tiếng Pháp 1	FREN 104	1	3	30	15	0	105	
9.4	Tiếng Nga 1	RUSS105	1	3	30	15	0	105	
10	**Ngoại ngữ 2**								
10.1	Tiếng Anh 2	ENGL 106	2	3	28	17	0	105	ENGL104
10.2	Tiếng Trung 2	CHIN 106	2	3	30	15	0	105	CHIN 105
10.3	Tiếng Pháp 2	FREN 106	2	3	30	15	0	105	FREN 104
10.4	Tiếng Nga 2	RUSS106	2	3	30	15	0	105	RUSS105
11	Giáo dục thể chất 1	PHYE 150	1	1	2	26		22	
12	Giáo dục thể chất 2	PHYE 151	2	1	2	26		22	
13	Giáo dục thể chất 3	PHYE 250	3	1	2	26		22	

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ				Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
					LT	BT	TH, TL		
14	Giáo dục thể chất 4	PHYE 251	4	1	2	26		22	
15	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	DEFE105		3	33	9	3	105	
16	Công tác quốc phòng và an ninh	DEFE106		2	25	0	5	70	
17	Quân sự chung	DEFE205		2	25	0	5	70	
18	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEFE206		4	30	0	15	155	
II	**Khối học vấn chung của nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn**			**12**					
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	COMM105	1	2	18	0	12	70	
20	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn	COMM103	2	2	20	0	10	70	
21	Lịch sử văn minh thế giới	COMM108	2	2	22	0	8	70	
22	Xã hội học đại cương	SOCI7301	2	2	22	0	8	70	
23	Nhân học đại cương	COMM110	2	2	22	0	8	70	
III	**Khối kiến thức ngành**			**69**					
	Bắt buộc			**48/48**					
24	Nhập môn công tác xã hội	SOWK240	1	3	30	0	15	105	
25	Tổ chức và phát triển cộng đồng	SOWK244	4	3	20	0	25	105	
26	Hành vi con người và môi trường xã hội	SOWK245	7	3	30	0	25	95	
27	An sinh xã hội	SOWK248	**6**	3	30	0	15	105	
28	Các vấn đề xã hội đương đại	SOCI7302	**7**	3	30	0	15	105	

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ				Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
					LT	BT	TH, TL		
29	Quan hệ công chúng	SOCI7303	4	3	30	0	15	105	
30	Kĩ năng mềm	SOCI7304	5	3	30	0	15	105	
31	Lịch sử và lí thuyết xã hội học	SOCI7305	3	3	30	0	15	105	
32	Phương pháp nghiên cứu Xã hội học	SOCI7306	**3**	3	30	0	15	105	
33	Thiết kế và xử lí dữ liệu định tính	SOCI7307	3	3	30	0	15	105	
34	Thiết kế và xử lí dữ liệu định lượng	SOCI7308	**4**	3	**30**	**0**	**15**	105	
35	Xã hội học nông thôn	SOCI7309	**5**	3	30	0	15	105	
36	Xã hội học đô thị	SOCI7310	5	3	30	0	15	105	
37	Xã hội học quản lí	SOCI7311	**3**	3	30	0	15	105	
38	Xã hội học gia đình	SOCI7312	6	3	30	0	15	105	
39	Công tác xã hội trường học	SOWK334	6	3	30	0	15	105	
	Tự chọn			18/61					
40	Chính sách xã hội	SOWK247	4	3	20	0	25	105	
41	Văn hoá doanh nghiệp	SOCI7313	4	3	30	0	15	105	
42	Hành vi tổ chức	SOCI7314	5	3	30	0	15	105	
43	Giới và phát triển	SOWK333	5	3	30	0	15	105	
44	Tâm lý học xã hội	PSYC 417	2	2	25	0	5	70	
45	Tâm lý học phát triển	PSYC418	2	2	25	0	5	70	
46	Hành chính công	SOCI7315	3	3	30	0	15	105	
47	Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện	SOCI7316	5	3	20	0	5	125	
48	Quản trị nguồn nhân lực	SOCI7317	5	3	30	0	15	105	
49	Xã hội học tội phạm	SOCI7318	4	3	30	0	15	105	

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ				Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
					LT	BT	TH, TL		
50	Xã hội học tôn giáo	SOCI7319	5	3	30	0	15	105	
51	Xã hội học dân số	SOCI7320	3	3	30	0	15	105	
52	Xã hội học môi trường	SOCI7321	7	3	30	0	15	105	
53	Xã hội học du lịch	SOCI7322	6	3	30	0	15	105	
54	Xã hội học thanh niên	SOCI7323	6	3	30	0	15	105	
55	Xã hội học y tế và sức khoẻ	SOCI7324	4	3	12	0	18	120	
56	Xã hội học lao động	SOCI7325	7	3	30	0	15	105	
57	Quản trị văn phòng	SOCI7326	7	3	20	0	25	105	
58	Xã hội học pháp luật	SOCI7327	5	3	30	0	15	105	
59	Xã hội học chính trị	SOCI7328	6	3	30	0	15	105	
60	Kiến tập xã hội học	SOCI7329	7	3	05	0	25	120	
IV	**Kiến thức chuyên ngành (Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề)**			**18**					
	Bắt buộc			**12/12**					
61	Thực tập	SOCI7330	8	3	5	0	25	120	
62	Xã hội học dư luận xã hội và truyền thông đại chúng	SOCI7331	8	3	10	0	50	90	
63	Xã hội học văn hoá, nghệ thuật	SOCI7332	7	3	30	0	15	105	
64	Xã hội học giáo dục	SOCI7333	6	3	30	0	15	105	
	Tự chọn			**6/12**					
65	Xã hội học kinh tế	SOCI7334	7	3	30	0	15	105	
66	Kĩ năng quản lí và lãnh đạo	SOCI7335	7	3	30	0	15	105	
67	Xây dựng, quản lý và phát triển dự án	SOWK337	7	3	30	0	15	105	
68	Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành	SOCI7336	6	3	5	0	40	105	

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ				Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	
					LT	BT	TH, TL		
V	**Khóa luận hoặc tương đương**			**6**					
69	Chuyên đề 1: Khởi nghiệp và sáng tạo xã hội	SOCI7337	8	2	20	0	10	70	
70	Chuyên đề 2: Xã hội học phát triển bền vững	SOCI7338	8	2	25	0	5	70	
71	Chuyên đề 3: Định hướng giá trị sống và giáo dục giá trị sống	SOWK433	8	2	25	0	5	70	
	Tổng cộng:			**127**					

IV. MA TRẬN LIÊN KẾT GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CÁC PLO

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PHIS105	Triết học Mác-Lênin	R	I										
POLI104	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	R											
POLI106	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M											
POLI204	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M											
POLI202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M											
PSYC101	Tâm lí giáo dục	I	M										
MATH137	Thống kê xã hội học	I	M	I									
COMP103	Tin học đại cương	I	M										
COMM106	Tiếng Việt thực hành	R	M	I									
COMM107	Nghệ thuật đại cương	I	R										
ENGL104	Tiếng Anh 1	I		R									M
FREN104	Tiếng Pháp 1	I		R									M
CHIN105	Tiếng Trung Quốc 1	I		R									M
ENGL106	Tiếng Anh 2	I		R									M
FREN106	Tiếng Pháp 2	I		R									M
CHIN106	Tiếng Trung Quốc 2	I		R									M
COMM 103	Nhập môn Khoa học xã hội và nhân văn	I		M									
COMM 108	Nhân học đại cương	I		M									
COMM 109	Xã hội học đại cương		I	M	R								

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
COMM 105	Cơ sở văn hóa Việt Nam	I		M									
COMM 110	Lịch sử văn minh thế giới	I		M									
SOWK240	Nhập môn công tác xã hội					I					I	R	
SOWK244	Tổ chức và phát triển cộng đồng								R	I		M	
SOWK245	Hành vi con người và môi trường xã hội						I			M		I	
SOWK248	An sinh xã hội					R	R			I			
SOCI7302	Các vấn đề xã hội đương đại				R	M	I						
SOCI7303	Quan hệ công chúng					I			R		I		
SOCI7304	Kĩ năng mềm					I			R				I
SOCI7305	Lịch sử và lí thuyết xã hội học				R		R		R				
SOCI7306	Phương pháp nghiên cứu Xã hội học				M		R					I	
SOCI7307	Thiết kế và xử lí dữ liệu định tính				M		R					I	
SOCI7308	Thiết kế và xử lí dữ liệu định lượng				M		R						I
SOCI7309	Xã hội học nông thôn						R	M	R				

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
SOCI7310	Xã hội học đô thị						R	M	R				
SOCI7311	Xã hội học quản lí							R	R			R	
SOCI7312	Xã hội học gia đình						I		R	M			
SOWK334	Công tác xã hội trường học					I			I	I			
SOWK247	Chính sách xã hội				R	R				M			
SOCI7313	Văn hoá doanh nghiệp					R	R					I	
SOCI7314	Hành vi tổ chức					R	R					I	
SOWK333	Giới và phát triển				R					M		R	
PSYC 417	Tâm lý học xã hội						I		R		I		
PSYC418	Tâm lý học phát triển						I		R		I		
SOCI7315	Hành chính công					I	R	I					
SOCI7316	Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện				R					M		R	
SOCI7317	Quản trị nguồn nhân lực					R	I		R				
SOCI7318	Xã hội học tội phạm						R	I	R				
SOCI7319	Xã hội học tôn giáo					I	M		R				
SOCI7320	Xã hội học dân số					I	M		R				

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
SOCI7321	Xã hội học môi trường					I	M		R				
SOCI7322	Xã hội học du lịch						R	I	R				
SOCI7323	Xã hội học thanh niên						R	I	R				
SOCI7324	Xã hội học y tế và sức khoẻ							I	R	R			
SOCI7325	Xã hội học lao động					R	R		I				
SOCI7326	Quản trị văn phòng					I	I						I
SOCI7327	Xã hội học pháp luật								R	I	R		
SOCI7328	Xã hội học chính trị						R	I	R				
SOCI7329	Kiến tập xã hội học												
SOCI7330	Thực tập				R						R	I	
SOCI7331	Xã hội học dư luận xã hội và truyền thông đại chúng									R	M	I	
SOCI7332	Xã hội học văn hoá, nghệ thuật						M		R		R		
SOCI7333	Xã hội học giáo dục						M		R		R		
SOCI7334	Xã hội học kinh tế							I	R			I	
SOCI7335	Kĩ năng quản lí và lãnh đạo					I	I	R					

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
SOWK337	Xây dựng, quản lý và phát triển dự án									R	R	M	
SOCI7336	Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành					R					R	M	
SOCI7337	Chuyên đề 1: Khởi nghiệp và sáng tạo xã hội				R	I						M	
SOCI7338	Chuyên đề 2: Xã hội học phát triển bền vững									R	R	R	
SOWK433	Chuyên đề 3: Định hướng giá trị sống và giáo dục giá trị sống					I		R			I		

Mức độ đóng góp của các học phần đối với việc đạt được PLO/PI (các mức I, R, M)

I (Introduced): Học phần có sự hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu.

R (Reinforced): Học phần có sự hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, …

M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.